TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN BÌNH THẠNH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 336/2019/QĐST-HNGĐ	*Bình Thạnh, ngày 15 tháng 3 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ các điều 397, 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014,

Căn cứ khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 2177/2018/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2018 về yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông Nguyễn Thái A, sinh năm: 1987; Địa chỉ cư trú: đường số F, Khu phố E, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh;

- Bà Phạm Thị Hồng H, sinh năm: 1989; Địa chỉ cư trú: đường X, Phường Z, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Hôn nhân giữa bà Phạm Thị Hồng H và ông Nguyễn Thái A là hôn nhân tự nguyện và hợp pháp được pháp luật công nhận theo Giấy chứng nhận kết hôn số 110, ngày 02 tháng 7 năm 2018 của Ủy ban nhân dân Phường Z, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Theo đơn yêu cầu ghi ngày 09 tháng 11 năm 2018 và Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 07 tháng 3 năm 2019, bà Phạm Thị Hồng H và ông Nguyễn Thái A yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn, bà Phạm Thị Hồng H là người trực tiếp nuôi con tên Nguyễn Thục V, sinh ngày 02 tháng 12 năm 2017. Bà H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

[3] Tòa án đã hòa giải đoàn tụ nhưng không thành. Xét thấy, bà H và ông A thật sự tự nguyện ly hôn, đã thỏa thuận về việc (chia hoặc) không chia tài sản chung, việc trông nom, nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục con trên cơ sở bảo đảm quyền lợi chính đáng của vợ và con.

Đã hết thời hạn bảy (07) ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận bà Phạm Thị Hồng H và ông Nguyễn Thái A thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 110, ngày 02 tháng 7 năm 2018 của Ủy ban nhân dân Phường Z, quận B, hết hiệu lực.

- Về con chung: Bà Phạm Thị Hồng H là người trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên là Nguyễn Thục V, sinh ngày 02 tháng 12 năm 2017. Bà Phạm Thị Hồng H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Ông Nguyễn Thái A có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Trên cơ sở lợi ích của con, cha, mẹ, người thân thích; cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em, hội liên hiệp phụ nữ có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi cần thiết đương sự có quyền yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Đôi bên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Ông Nguyễn Thái A thỏa thuận nộp lệ phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0005864 ngày 05 tháng 12 năm 2018, của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh; ông Nguyễn Thái A đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND Q.Bình Thạnh;
- UBND Phường 26, quận Bình Thạnh;
- Chi cục THADS Q. Bình Thạnh
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Huỳnh Linh Phượng

<u>Hướng dẫn sử dụng mẫu số 31-VDS:</u>

(1) Ghi tên Tòa án ra quyết định; nếu là Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi rõ tên Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi Tòa án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra Quyết định.

(3) và (4) Ghi điểm, khoản, điều luật tương ứng của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Hôn nhân và Gia đình.

(5) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm thụ lý việc hôn nhân và gia đình.

(6) Ghi rõ họ tên, địa chỉ nơi cư trú của người yêu cầu;

(7) Nếu là cá nhân thì ghi rõ họ tên, địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người đó; nếu là cơ quan, tổ chức thì ghi tên cơ quan, tổ chức và địa chỉ trụ sở của cơ quan, tổ chức đó.

(8) Ghi nhận định của Tòa án về những nội dung mà các đương sự thỏa thuận được theo Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành. Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ tự trong dấu [].